

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2022.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba.

Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 651/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Việt T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số A, tổ B, ấp LP, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ T, ấp LP, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Q.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà S, đường L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Số H, đường L, khu P, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh T1 và Ngân hàng Q vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Việt T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T1 tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTi, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Hai vợ chồng không còn quan tâm nhau. Mặc dù nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có hai con chung là Trần Ngọc Yến V, sinh ngày 14/8/2014 và Trần Ngọc Thiên A, sinh ngày 17/10/2019. Nếu ly hôn chị T yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Chị T khai có nợ Ngân hàng Q số tiền 500.000.000 đồng.

Tại bản tự khai bị đơn anh Trần Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị T có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm sống. Hiện cả hai đã ly thân không còn sống chung với nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Trần Ngọc Yến V, sinh ngày 14/8/2014 và Trần Ngọc Thiên A, sinh ngày 17/10/2019, anh yêu cầu được nuôi cháu Trần Ngọc Yến V, còn Trần Ngọc Thiên A giao cho chị T nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng Q số tiền 500.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Q đến Tòa để làm việc nhưng Ngân hàng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự có mặt và vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Việt T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn T1 có nơi cư trú tại xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai, chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T1. Đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03/2014 ngày 11 tháng 02 năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, chị T và anh T1 có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện cả hai đã ly thân không còn sống chung với nhau. Chị T yêu cầu được ly hôn, anh T1 cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện để chị T và anh T1 đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng của vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của bị đơn nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh T1 có hai con chung là Trần Ngọc Yến V, sinh ngày 14/8/2014 và Trần Ngọc Thiên A, sinh ngày 17/10/2019. Chị T yêu cầu được nuôi cả hai con chung, còn anh T1 yêu cầu được nuôi cháu Trần Ngọc Yến V.

Xét, yêu cầu nuôi con của chị T và anh T1 nhận thấy: Qua xác minh tại địa phương thể hiện chị T có mức thu nhập và chỗ ở ổn định có khả năng nuôi con, hiện cháu V và cháu A đang sống cùng chị, được chị nuôi dạy tốt. Hơn nữa cháu V là nữ nên việc chăm sóc giáo dục giới tính từ người mẹ sẽ tốt hơn. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao các cháu Trần Ngọc Yến V, sinh ngày 14/8/2014 và Trần Ngọc Thiên A, sinh ngày 17/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Việt T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị T nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khai có nợ Ngân hàng Q số tiền 500.000.000 đồng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập Ngân hàng Q để làm việc nhưng vắng mặt không có yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung của chị T và anh T1.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát huyện Long Thành phù hợp chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Nguyễn Thị Việt T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 277, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Việt T đối với anh Trần Văn T1 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Cho chị Nguyễn Thị Việt T được ly hôn anh Trần Văn T1.

Về con chung: Giao các cháu Trần Ngọc Yến V, sinh ngày 14/8/2014 và Trần Ngọc Thiên A, sinh ngày 17/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Việt T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị T và anh T1 vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, anh T1 có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Việt T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004962 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị Nguyễn Thị Việt T đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Long Thành;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Long Thành;
- UBND xã (phường) nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Quốc Hoàn